

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 44
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam E&C tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng (đã dừng hoạt động từ ngày 05 tháng 4 năm 2019)	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2019
Bà Lê Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Tuấn Trang	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020



TM. Ban Lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Hoàng Tuấn



AASCN

Số : 100./2020/BCKT/AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Trần Thị Linh

Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2016-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.029.681.868.622	580.150.074.711
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.924.477.191	12.740.743.853
1.	Tiền	111		6.304.255.191	12.740.743.853
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.620.222.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		714.399.983.163	516.760.473.903
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	421.445.009.253	306.976.470.188
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	292.603.405.984	218.923.214.052
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	7.748.016.031	2.475.896.852
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(7.396.448.105)	(11.615.107.189)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	291.735.269.029	50.439.893.473
1.	Hàng tồn kho	141		291.735.269.029	50.439.893.473
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		15.622.139.239	208.963.482
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	692.839.084	208.770.370
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.929.300.155	193.112
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

H
 A
 C
 T
 I
 N
 G

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.678.949.590	96.401.536.873
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		10.926.757.630	24.462.533.522
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	7.729.108.577	21.564.936.305
	- Nguyên giá	222		23.628.736.437	35.610.753.497
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.899.627.860)	(14.045.817.192)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	2.519.924.843	2.880.606.671
	- Nguyên giá	225		2.885.454.545	2.885.454.545
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(365.529.702)	(4.847.874)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	677.724.210	16.990.546
	- Nguyên giá	228		981.687.851	215.980.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(303.963.641)	(198.989.454)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		69.752.191.960	71.939.003.351
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	69.752.191.960	71.939.003.351
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.110.360.818.212	676.551.611.584

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		806.044.745.972	511.245.564.349
I.	Nợ ngắn hạn	310		799.508.214.957	503.001.365.269
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	217.860.466.792	206.594.626.959
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	74.053.047.373	77.109.509.764
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.981.027.303	14.734.835.939
4.	Phải trả người lao động	314		7.142.208.736	4.668.944.662
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.221.238.591	345.387.149
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.079.239.112	1.072.164.112
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.591.594.971	1.533.878.956
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	490.579.392.079	196.942.017.728
II.	Nợ dài hạn	330		6.536.531.015	8.244.199.080
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.012.100.000	4.581.717.394
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	2.524.431.015	3.662.481.686
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		304.316.072.240	165.306.047.235
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	304.316.072.240	165.306.047.235
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		252.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		252.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.475.205.330	44.465.180.325
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		32.465.180.325	27.496.156.524
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.010.025.005	16.969.023.801
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.110.360.818.212	676.551.611.584

Người lập biểu



Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Trang

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.009.257.291.364	796.015.888.708
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.009.257.291.364	796.015.888.708
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	940.123.098.375	735.355.680.766
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.134.192.989	60.660.207.942
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	66.082.274	119.209.224
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	23.040.260.877	16.260.329.113
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.040.260.877	16.259.127.997
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	85.956.000	884.852.239
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	27.341.899.573	20.712.384.882
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.732.158.813	22.921.850.932
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	6.631.839.531	995.489.928
12.	Chi phí khác	32	VI.06	1.377.109.563	516.765.407
13.	Lợi nhuận khác	40		5.254.729.968	478.724.521
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.986.888.781	23.400.575.453
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	4.976.863.776	6.431.551.652
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		19.010.025.005	16.969.023.801
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	780	1.414
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	780	1.414

Người lập biểu

Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Trang

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		23.986.888.781	23.400.575.453
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.437.804.341	2.470.296.119
-	Các khoản dự phòng	03		(4.218.659.084)	1.907.719.438
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(66.082.274)	(119.209.224)
-	Chi phí lãi vay	06		23.040.260.877	16.259.127.997
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		45.180.212.641	43.918.509.783
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(208.349.957.218)	(192.935.749.039)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(228.836.110.793)	47.349.639.821
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		3.482.066.563	64.874.948.449
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.702.742.677	4.328.853.717
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(22.318.971.488)	(16.194.612.046)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.880.361.785)	(3.140.208.927)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(416.020.379.403)	(51.798.618.242)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.361.293.213)	(14.979.506.331)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		66.082.274	119.209.224
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1.295.210.939)	(14.860.297.107)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		120.000.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		570.090.561.386	239.688.916.264
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(277.083.397.706)	(181.727.596.638)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(507.840.000)	(634.800.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		412.499.323.680	57.326.519.626
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.816.266.662)	(9.332.395.723)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.740.743.853	22.073.139.576
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.924.477.191	12.740.743.853

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Bùi Thị Thúy Hà

Nguyễn Tuấn Trang

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng (đã dừng hoạt động từ ngày 05 tháng 4 năm 2019)	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 274 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 213 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên không có khả năng thu hồi hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức được chia cho các cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	6.304.255.191	12.740.743.853
+ Tiền mặt	54.978.170	21.081.585
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.249.277.021	12.719.662.268
- Các khoản tương đương tiền (*)	1.620.222.000	-
Cộng	7.924.477.191	12.740.743.853

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng gửi tại các ngân hàng thương mại, lãi suất 4,5 – 5 %/ năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	421.445.009.253	306.976.470.188
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	102.171.240.904	-
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	2.025.717.472	33.907.118.969
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	-	3.860.247.676
- Công ty Cổ phần BEDA T&C	88.901.177.041	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Salvador Perez Arroyo và Cộng sự	22.412.212.020	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	175.085.077.166	170.518.897.639
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	28.926.709.400
- Công ty Cổ phần Virex	9.113.174.313	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	21.736.410.337	69.763.496.504
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	421.445.009.253	306.976.470.188

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)	2.706.016.763	227.474.183.285
Cộng	2.706.016.763	227.474.183.285

03. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	292.603.405.984	218.923.214.052
- Công ty TNHH Sản xuất và TM Quân Đạt	15.263.072.063	56.000.000.000
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	-	51.616.721.016
- Công ty CP Kỹ thuật Công trình Việt Nam	16.399.519.243	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	85.718.590.087	-
- Công ty CP Eurowindow	16.400.000.000	-
- Shenzhen Gold Phoenix Second Furniture Co., LTD	95.618.664.809	-
- Công ty TNHH Đạt Vĩnh Tiến	8.615.051.218	-
- Công ty TNHH Hitacom Việt Nam	5.438.846.052	-
- Công ty TNHH Vĩnh Châu	4.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	-	103.969.139.338
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	44.649.662.512	7.337.353.698
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	292.603.405.984	218.923.214.052

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)	87.413.893.327	742.661.842
Cộng	87.413.893.327	742.661.842

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	7.748.016.031	6.528.800	2.475.896.852	6.528.800
- Tạm ứng	465.606.046	-	562.310.261	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.824.811.378	-	668.260.101	-
- Phải thu khác	5.457.598.607	6.528.800	1.245.326.490	6.528.800
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	4.718.387.328	-	-	-
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	184.669.088	-	288.545.455	-
+ Các khoản phải thu khác	554.542.191	6.528.800	956.781.035	6.528.800
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.748.016.031	6.528.800	2.475.896.852	6.528.800

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Xây dựng Cao Bang - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
- Công ty Cổ phần giấy An Hoà	-	-	3.860.247.676	-
- Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	651.420.000	-
- Các khách hàng khác	4.322.144.638	-	5.182.464.294	501.908.248
Cộng	7.396.448.105	-	12.117.015.437	501.908.248

Chi tiêu tăng, giảm dự phòng trong năm:

Đối tượng	Số đầu năm		Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Số cuối năm
	Số đầu năm	Số trích lập	Số xóa nợ	Số hoàn nhập	Số xóa nợ	Số hoàn nhập	
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	-	-	-	-	1.037.788.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA25	700.000.000	-	-	700.000.000	-	-	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	-	-	-	-	1.385.095.467
- Công ty cổ phần giấy An Hoà	3.860.247.676	-	-	3.860.247.676	-	-	-
- Công ty XD Công trình 507 tại Quảng Ninh-V Đông, Truyền Hình	702.482.768	-	-	100.000.000	-	-	602.482.768
- Công ty CP Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	-	-	-	-	651.420.000
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Địa Long	476.000.000	204.000.000	-	-	-	-	680.000.000
- Tổng Công ty Điện lực Thành Phố Hà Nội	270.243.579	115.818.677	-	-	-	-	386.062.256
- Công ty TNHH Phureng Dũng	167.569.168	71.815.358	-	-	-	-	239.384.526
- Công ty lưới điện cao thế miền Bắc	160.319.656	-	-	160.319.656	-	-	-
- Các khách hàng khác	2.203.940.875	210.274.213	-	-	-	-	2.414.215.088
Cộng	11.615.107.189	601.908.248	-	4.820.567.332	-	-	7.396.448.105

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
06. Hàng tồn kho					
- Công cụ, dụng cụ	4.414.800.000	-	50.424.625.291	-	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	284.320.460.419	-	15.268.182	-	
- Thành phẩm	-	-	-	-	
- Hàng hoá	3.000.008.610	-	-	-	
Cộng	291.735.269.029	-	50.439.893.473	-	

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.656.111.462	3.574.798.775	15.970.030.471	2.409.812.789	35.610.753.497
- Mua trong năm	-	-	20.000.000	575.585.362	595.585.362
- Chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(12.577.602.422)	-	-	-	(12.577.602.422)
Số dư cuối năm	1.078.509.040	3.574.798.775	15.990.030.471	2.985.398.151	23.628.736.437
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.196.846.698	1.712.204.842	9.929.970.793	1.206.794.859	14.045.817.192
- Khấu hao trong kỳ	-	412.851.516	965.008.704	594.288.106	1.972.148.326
- Chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(118.337.658)	-	-	-	(118.337.658)
Số dư cuối năm	1.078.509.040	2.125.056.358	10.894.979.497	1.801.082.965	15.899.627.860
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	12.459.264.764	1.862.593.933	6.040.059.678	1.203.017.930	21.564.936.305
2. Tại ngày cuối năm	-	1.449.742.417	5.095.050.974	1.184.315.186	7.729.108.577

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 10.953.111.511 đồng.
 Nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 7.202.807.428 đồng và 4.820.255.529 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	2.885.454.545	2.885.454.545
- Thuê tài chính trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	2.885.454.545	2.885.454.545
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	4.847.874	4.847.874
- Khấu hao trong năm	360.681.828	360.681.828
<i>Số dư cuối năm</i>	365.529.702	365.529.702
III. Giá trị còn lại		
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	2.880.606.671	2.880.606.671
2. <i>Tại ngày cuối năm</i>	2.519.924.843	2.519.924.843

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	215.980.000	215.980.000
- Mua trong năm	765.707.851	765.707.851
<i>Số dư cuối năm</i>	981.687.851	981.687.851
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	198.989.454	198.989.454
- Khấu hao trong năm	104.974.187	104.974.187
<i>Số dư cuối năm</i>	303.963.641	303.963.641
III. Giá trị còn lại		
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	16.990.546	16.990.546
2. <i>Tại ngày cuối năm</i>	677.724.210	677.724.210

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 180.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	692.839.084	208.770.370
- Chi phí bảo hiểm	39.951.908	65.520.529
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	156.835.717	95.966.133
- Chi phí sửa chữa	237.677.573	-
- Các khoản khác	258.373.886	47.283.708
b. Dài hạn	69.752.191.960	71.939.003.351
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.659.150.857	1.224.707.051
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower ^(a)	42.078.787.978	43.042.424.326
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower ^(b)	20.642.424.272	21.115.151.540
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng	65.367.888	849.782.376
- Chi phí sửa chữa tầng 2 – 47 Vũ Trọng Phụng	-	1.522.710.551
- Chi phí sửa chữa khác	1.313.159.337	-
- Thuê văn phòng 96 Định Công ^(c)	2.341.707.622	2.478.606.010
- Chi phí khác	651.594.006	1.705.621.497
Cộng	70.445.031.044	72.147.773.721

- (a) Là chi phí thuê 2.081,7 m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.
- (b) Là chi phí thuê 1.112,7 m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.
- (c) Là chi phí thuê 1.782,70 m² toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06/6/2015 đến hết ngày 26/7/2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a. Vay ngắn hạn	196.942.017.728	196.942.017.728	571.228.612.057	277.591.237.706	490.579.392.079	490.579.392.079		
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>195.220.741.635</i>	<i>195.220.741.635</i>	<i>570.090.561.386</i>	<i>276.075.636.818</i>	<i>489.235.666.203</i>	<i>489.235.666.203</i>		
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội	15.200.000.000	15.200.000.000	-	15.200.000.000	-	-		
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình ^(a)	160.057.460.435	160.057.460.435	487.319.881.188	205.171.460.435	442.205.881.188	442.205.881.188		
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(b)	19.963.281.200	19.963.281.200	82.770.680.198	55.704.176.383	47.029.785.015	47.029.785.015		
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.721.276.093</i>	<i>1.721.276.093</i>	<i>1.138.050.671</i>	<i>1.515.600.888</i>	<i>1.343.725.876</i>	<i>1.343.725.876</i>		
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	180.118.032	180.118.032	180.118.032	180.118.032	180.118.032	180.118.032		
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	827.642.861	827.642.861	655.767.839	827.642.856	655.767.844	655.767.844		
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	713.515.200	713.515.200	302.164.800	507.840.000	507.840.000	507.840.000		
b. Vay dài hạn	3.662.481.686	3.662.481.686	-	1.138.050.671	2.524.431.015	2.524.431.015		
Từ 1 năm đến 5 năm	2.821.624.543	2.821.624.543	-	997.907.819	1.823.716.724	1.823.716.724		
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>995.939.743</i>	<i>995.939.743</i>	<i>-</i>	<i>695.743.019</i>	<i>300.196.724</i>	<i>300.196.724</i>		
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	480.314.756	480.314.756	-	180.118.032	300.196.724	300.196.724		
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(d)	515.624.987	515.624.987	-	515.624.987	-	-		

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
- <i>Nợ thuê tài chính</i>	1.825.684.800	1.825.684.800	-	302.164.800	1.523.520.000	1.523.520.000	
+ Công ty cho thuê tài chính	1.825.684.800	1.825.684.800	-	302.164.800	1.523.520.000	1.523.520.000	
TNHH MTV Ngân hàng							
TMCP Công thương Việt Nam							
(e)							
Trên 5 năm	840.857.143	840.857.143	-	140.142.852	700.714.291	700.714.291	
- <i>Vay ngân hàng</i>	840.857.143	840.857.143	-	140.142.852	700.714.291	700.714.291	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	840.857.143	840.857.143	-	140.142.852	700.714.291	700.714.291	
(f)							
Cộng	200.604.499.414	200.604.499.414	571.228.612.057	278.729.288.377	493.103.823.094	493.103.823.094	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 117/2019/HDHM-PN/SHB.111100 ngày 12/11/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, cung cấp lắp đặt hệ thống cơ điện và hoạt động điện lực và hoạt động xây dựng của khách hàng. Hạn mức tín dụng là 700.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán là 500.000.000.000 đồng, hạn mức cấp bảo lãnh là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay theo từng khế ước vay nhưng không quá 09 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay trong năm nay là 11,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/2018/CTD/VCBTX-EC ngày 28/12/2018 để bổ sung nguồn vốn phục vụ thi công hạng mục "Vách kính dựng mặt" của dự án "Tò hợp khách sạn, căn hộ dịch vụ Marriott và nhà ở để bán (Đà Nẵng) gói thầu: Thi công xây dựng phần thân, cung cấp lắp đặt hoàn thiện nội thất căn hộ và KS, theo Hợp đồng thi công xây dựng số 1505/2017/HDTCXD/DELTA-EC giữa Công ty Cổ phần Delta Việt Nam và Công ty Cổ phần Alphanam E&C ký ngày 15/05/2017. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay là 8,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 801700080465 ngày 31/7/2017 để đầu tư mua xe ô tô TOYOTA Fortuner biến kiểm soát 30E-859.58 với gốc vay là 915.600.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 8,2%/năm (lãi suất vay cố định trong 3 năm đầu). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo Hợp đồng vay số 23/2016/HDTD/TTB MB3/01 ngày 19/9/2016 để mua xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biến kiểm soát 30E-070.61 với gốc vay là 2.750.000.000 VND. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 7,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (e) Khoản nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính (không hủy ngang) số 01.118/2018/TSC-CTTC ngày 27/12/2018 để thuê 01 máy đào bánh xích hiệu Kobelco, model SK250-10. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất thuê trong năm là 9%/năm.
- (f) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng vay số 1113/2018/HDTD/TTB MB3/01 ngày 19/12/2018 để mua xe ô tô TOYOTA Fortuner biển kiểm soát 30F-475.11 với gốc vay là 981.000.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 8,9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

12. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Phải trả người bán ngắn hạn	217.860.466.792	217.860.466.792	206.594.626.959	206.594.626.959	
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	-	-	47.946.510.438	47.946.510.438	
- Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vương Thái Sơn	16.608.082.623	16.608.082.623	33.846.072.091	33.846.072.091	
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	600.000.000	600.000.000	2.057.423.350	2.057.423.350	
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	-	-	24.975.661.830	24.975.661.830	
- Công ty Cổ phần Tổ hợp Công nghiệp Xây dựng Nam Hải	-	-	22.003.183.950	22.003.183.950	
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Đông Dương	-	-	5.110.180.024	5.110.180.024	
- Công ty CP Công Nghệ HT&ME Việt Nam	3.381.243.827	3.381.243.827	2.767.168.743	2.767.168.743	
- Công ty CP Kỹ thuật SIGMA	40.741.408.932	40.741.408.932	-	-	
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	38.322.957.343	38.322.957.343	-	-	
- Công ty CP Ecoba Việt Nam	17.076.313.060	17.076.313.060	-	-	
- Công ty CP Công nghệ và Đầu tư Intech	13.039.508.593	13.039.508.593	-	-	
- Công ty CP Phú Thành	12.025.513.150	12.025.513.150	2.130.317.788	2.130.317.788	
- BENSLEY DESIGN GROUP INTERNATIONAL CONSULTANTS CO.,LTD	8.975.620.366	8.975.620.366	-	-	
- Công ty Cổ phần Daikin AIR CONDITIONING (Việt Nam)	9.267.320.247	9.267.320.247	-	-	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	57.822.498.651	57.822.498.651	65.758.108.745	65.758.108.745	
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	217.860.466.792	217.860.466.792	206.594.626.959	206.594.626.959	

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)	3.801.977.524	3.801.977.524	19.033.371.580	19.033.371.580
Cộng	3.801.977.524	3.801.977.524	19.033.371.580	19.033.371.580

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

Phải trả người bán ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)

Cộng**13. Người mua trả tiền trước****a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 – MOMOTA
- Công ty Cổ phần Dầu tư Alphanam
- Công ty Bất động sản Hoa Anh Đào
- Ban QLDA các Công trình điện miền Bắc- CN Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	74.053.047.373	77.109.509.764
	-	45.481.768.381
	-	10.554.082.485
	-	7.985.836.842
	-	5.568.840.156
	68.774.573.252	-
	3.158.777.528	-
	2.119.696.593	7.518.981.900
Cộng	74.053.047.373	77.109.509.764

c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

Người mua trả tiền trước (trình bày tại thuyết minh VIII.02)

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	5.645.397.977
Cộng	-	5.645.397.977

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND					
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	7.191.983.879	84.543	7.192.068.422	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.454.005.226	4.976.863.776	6.880.361.785	-	4.550.507.217
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.088.846.834	1.781.715.005	2.440.041.753	-	430.520.086
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	1.493.958.813	1.493.958.813	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	14.734.835.939	8.256.622.137	18.010.430.773	-	4.981.027.303

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	1.221.238.591	345.387.149
- Chi phí lãi vay	1.066.676.538	345.387.149
- Các khoản trích trước khác	154.562.053	-
Cộng	1.221.238.591	345.387.149

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	2.591.594.971	1.533.878.956
- Kinh phí công đoàn	1.258.815.491	955.775.949
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.332.779.480	578.103.007
+ Ông Lâm Sơn Tùng	387.970.661	370.315.025
+ Các đối tượng khác	944.808.819	207.787.982
<i>b. Dài hạn</i>	4.012.100.000	4.581.717.394
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.012.100.000	4.581.717.394
Cộng	6.603.694.971	6.115.596.350

17. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	1.079.239.112	1.072.164.112
- Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	1.079.239.112	1.072.164.112
Cộng	1.079.239.112	1.072.164.112

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	840.866.910	27.496.156.524	148.337.023.434
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	16.969.023.801	16.969.023.801
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	840.866.910	44.465.180.325	165.306.047.235
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	840.866.910	44.465.180.325	165.306.047.235
Tăng vốn trong năm nay (*)	132.000.000.000	-	-	132.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	19.010.025.005	19.010.025.005
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	252.000.000.000	840.866.910	51.475.205.330	304.316.072.240

(*): Khoản tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Alphanam E&C số 07.1404/NQ-ĐHĐCĐ/EC ngày 14 tháng 4 năm 2018 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 đồng lên 252.000.000.000 đồng (trong đó: phát hành cổ phiếu trả cổ tức số tiền là 12.000.000.000 đồng; phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ số tiền là 120.000.000.000 đồng). Cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Theo Nghị quyết số 52/NQ-HDQT ngày 13/9/2018 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Chi tiết:
 - Số cổ phần phát hành: 1.200.000 cổ phần.
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 12.000.000.000 đồng.
 - Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.
 - Nguồn phát hành: Nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại của các năm lũy kế đến ngày 31/12/2017 theo Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
- Theo Nghị quyết số 52/NQ-HDQT ngày 13/9/2018 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Chi tiết:
 - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 12.000.000 cổ phiếu, tương đương vốn điều lệ tăng thêm là 120.000.000.000 đồng. Trong đó: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 120.000.000.000 đồng.
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
 - Mục đích: Vốn thu được từ đợt chào bán được dùng để trả khoản nợ gốc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Ba Đình;
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Kết quả phát hành cổ phiếu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	<u>Giá trị</u>
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	1.200.000	12.000.000.000
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn	12.000.000	120.000.000.000
Tổng cổ phiếu phát hành	13.200.000	132.000.000.000

Tiền thu từ việc phát hành vốn tăng thêm được dùng để trả khoản nợ gốc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Ba Đình.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	151.202.100.000	60	72.001.000.000	60
Vốn góp của các cổ đông khác	100.797.900.000	40	47.999.000.000	40
Cộng	252.000.000.000	100	120.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	132.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	252.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.200.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.200.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.200.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.200.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.200.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	171,01	171,01
- EUR	215,71	215,71

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
- Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	850.800.000
Cộng	7.470.333.305	7.470.333.305

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	243.665.766.587	505.653.389.691
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.814.441.007	65.477.461.768
Doanh thu kinh doanh bất động sản	16.722.291.092	19.094.612.311
Doanh thu hợp đồng xây dựng	684.054.792.678	205.790.424.938
Cộng	1.009.257.291.364	796.015.888.708
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.765.204.740	274.360.699.712
Cộng	33.765.204.740	274.360.699.712

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	223.403.728.185	494.215.217.799
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.359.889.568	51.068.309.187
Chi phí kinh doanh bất động sản	9.152.492.827	12.698.321.484
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	662.206.987.795	177.373.832.296
Cộng	<u>940.123.098.375</u>	<u>735.355.680.766</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	66.082.274	119.209.224
Cộng	<u>66.082.274</u>	<u>119.209.224</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	23.040.260.877	16.259.127.997
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.201.116
Cộng	<u>23.040.260.877</u>	<u>16.260.329.113</u>

05. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền phạt thu được	1.739.158.768	994.833.378
- Xóa các khoản nợ phải trả do nhà cung cấp đã bỏ địa chỉ kinh doanh	4.887.877.177	-
- Các khoản khác	4.803.584	656.550
Cộng	<u>6.631.839.529</u>	<u>995.489.928</u>

06. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Phạt vi phạm hợp đồng	812.670.971	264.721.111
- Các khoản bị phạt hành chính, phạt chậm nộp, truy thu thuế GTGT	559.787.900	251.344.553
- Các khoản khác	4.650.692	699.743
Cộng	<u>1.377.109.563</u>	<u>516.765.407</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	27.341.899.573	20.712.384.882
- Chi phí nhân viên quản lý	17.354.602.718	8.684.460.838
- Chi phí vật liệu quản lý	480.402.134	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.296.374.980	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	810.479.824	855.388.915
- Thuế, phí và lệ phí	4.300.000	5.000.000
- Chi phí dự phòng	(4.218.659.084)	1.907.719.438
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.584.506.394	4.756.818.290
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.029.892.607	4.502.997.401
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	85.956.000	884.852.239
- Chi phí nhân viên	85.956.000	794.912.784
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	16.450.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	68.160.000
- Chi phí khác bằng tiền	-	5.329.455
Cộng	27.427.855.573	21.597.237.121

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	4.976.863.776	6.431.551.652
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.976.863.776	6.431.551.652

(*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.986.888.781	23.400.575.453
Các khoản điều chỉnh tăng	897.430.100	8.757.182.808
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	24.884.318.881	32.157.758.261
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	4.976.863.776	6.431.551.652
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	4.976.863.776	6.431.551.652

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	19.010.025.005	16.969.023.801
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.010.025.005	16.969.023.801
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.385.769	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>780</u>	<u>1.414</u>

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	19.010.025.005	16.969.023.801
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.010.025.005	16.969.023.801
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.385.769	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>780</u>	<u>1.414</u>

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.673.580.989	54.339.279.894
- Chi phí nhân công	57.521.231.088	36.805.588.483
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.437.804.341	2.470.296.119
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	862.568.374.282	135.467.893.971
- Chi phí khác bằng tiền	27.023.347.006	14.071.014.573
- Chi phí dự phòng	(4.218.659.084)	1.907.719.438
Cộng	<u>979.005.678.622</u>	<u>245.061.792.478</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	12.000.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch HĐQT		
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (là Công ty mẹ)		
+ Mượn tiền	-	159.850.000.000
+ Trả tiền mượn	-	153.350.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Ông Lâm Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc		
+ Phải trả phải nộp khác	387.970.661	370.315.025
Cộng nợ phải trả	<u>387.970.661</u>	<u>370.315.025</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	2.054.400.000	1.476.165.115
Cộng	<u>2.054.400.000</u>	<u>1.476.165.115</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Cùng Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đô thị Hanel – Alphanam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Địa Ốc Đông Á	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Khoản đầu tư khác của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Vinacon	Cùng Công ty mẹ (đến 31/12/2019)
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (đến 31/12/2019)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (đến 31/12/2019)

Các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	33.765.204.740	274.360.699.712
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	3.144.678.222	52.620.771.209
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại Định Công Hà Nội	78.274.095	129.630.837
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	2.085.367.139	48.636.349.029
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	1.230.496.164	148.166.375.175
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Đà Nẵng	136.363.640	95.454.548
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	326.816.800	541.088.720
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	2.226.349.202	2.994.426.966
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	-	180.587.472
- Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	4.297.731.406	20.436.278.735
- Công ty CP Đầu tư công viên văn hóa Mường Hoa	113.220.000	180.000.000
- Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	2.367.914.660	-
- Công ty Cổ phần Địa Ốc Đông Á	17.757.993.412	-
- Nhóm các công ty đến 31/12/2019 không còn là bên liên quan	-	379.737.021
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	71.235.174.023	200.588.528.349
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	66.436.607.415	130.833.118.718
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	-	2.163.383.152
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Đà Nẵng	863.242.281	449.402.925
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	1.509.052.727	2.080.184.925
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	659.460.000	15.802.148.493
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	124.360.000	99.120.000
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	1.642.451.600	21.181.036.114
- Nhóm các công ty đến 31/12/2019 không còn là bên liên quan	-	27.980.134.022
Trả cổ tức bằng cổ phiếu		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	7.200.100.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	2.706.016.763	227.474.183.285
- Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	2.604.706.126	-
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	28.926.709.400
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	-	541.815.067
- Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	-	22.479.906.609
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	-	4.527.406.090
- CN Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	101.310.637	180.400.000
- CN Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Đà Nẵng	-	15.000.000
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	-	198.646.219
- Công ty CP Đầu tư công viên văn hóa Mường Hoa	-	16.500.000
- Nhóm các công ty đến 31/12/2019 không còn là bên liên quan	-	170.587.799.900
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	87.413.893.327	742.661.842
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	85.718.590.087	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	1.695.303.240	-
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	742.661.842
Cộng nợ phải thu	90.119.910.090	228.216.845.127
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	3.801.977.524	19.033.371.580
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	8.433.905.200
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	1.611.103.160	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec tại Tp. Hồ Chí Minh	684.696.286	742.665.545
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại miền Trung	1.495.389.663	713.522.663
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Đà Nẵng	10.788.415	25.584.432
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	13.150.500
- Nhóm các công ty đến 31/12/2019 không còn là bên liên quan	-	9.104.543.240
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	-	5.645.397.977
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại Định Công Hà Nội	-	76.557.821
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	5.568.840.156
Cộng nợ phải trả	3.801.977.524	24.678.769.557

03. Điều chỉnh hồi tố

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót kế toán theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82879/QĐ-CT-TKT5-XPVPHC của Tổng cục thuế - Cục thuế thành phố Hà Nội đến số liệu Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau điều chỉnh	Số điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.990.830.653	14.734.835.939	1.744.005.286
- Thuế GTGT đầu ra		7.104.002.858	7.191.983.879	87.981.021
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		4.797.980.961	6.454.005.226	1.656.024.265
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	46.209.185.611	44.465.180.325	(1.744.005.286)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.524.991.196	27.496.156.524	(28.834.672)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		18.684.194.415	16.969.023.801	(1.715.170.614)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
12. Chi phí khác	32	435.165.484	516.765.407	81.599.923
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23.482.175.376	23.400.575.453	(81.599.923)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.797.980.961	6.431.551.652	1.633.570.691
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	18.684.194.415	16.969.023.801	(1.715.170.614)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.557	1.414	(143)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.557	1.414	(143)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.000.109.706	43.918.509.783	(81.599.923)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	09	64.793.348.526	64.874.948.449	81.599.923

04. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đã thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	5.990.941.440	8.316.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	18.914.765.760	25.954.500.000
Trên 5 năm	6.067.353.600	13.860.000.000
Cộng	30.973.060.800	48.130.500.000

Đơn vị tính: VND

- Công ty thuê toàn bộ toà nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2023 theo Phụ lục số 03

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày 15 tháng 01 năm 2017. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	16.739.364.625	18.632.108.622
Trên 1 năm đến 5 năm	39.208.455.134	46.624.211.931
Trên 5 năm	31.791.877.776	4.865.420.231
Cộng	<u>87.739.697.535</u>	<u>70.121.740.784</u>

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và được gia hạn thêm đến ngày 31/07/2023 theo Phụ lục gia hạn số 09/2012/2017/PLHĐKT-KD ký ngày 04/08/2017.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 3 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2019 và một phần cho thuê trong thời hạn 09 năm kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2014 đến ngày 19 tháng 12 năm 2023.

05. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	309.982.119.864	643.403.093.045	55.872.078.455	1.009.257.291.364
- Chi phí trực tiếp	281.166.819.932	606.450.264.775	52.506.013.668	940.123.098.375
- Chi phí phân bổ	15.480.422.617	32.131.375.183	2.790.236.376	50.402.034.176
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.334.877.315	4.821.453.087	575.828.411	18.732.158.813
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	4.239.116.727	1.175.146.716	-	5.414.263.443
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.979.952.341	671.173.836	26.459.785	8.677.585.962
Số dư cuối năm nay				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	219.312.006.299	455.206.975.346	39.529.433.593	714.048.415.237
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	119.289.019.355	247.597.906.786	21.500.999.643	388.387.925.784
- Tài sản không phân bổ				7.924.477.191
Tổng tài sản	338.601.025.654	702.804.882.132	61.030.433.236	1.110.360.818.212
- Nợ phải trả bộ phận	243.345.752.161	505.091.744.287	43.861.345.817	792.298.842.265
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2.580.280.887	5.355.666.012	465.077.328	8.401.024.227
- Nợ phải trả không phân bổ				5.344.879.480
Tổng nợ phải trả	245.926.033.048	510.447.410.299	44.326.423.145	806.044.745.972

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAME&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Đơn vị tính: VND Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	530.998.195.497	175.676.602.530	89.341.090.681	796.015.888.708
- Chi phí trực tiếp	488.764.116.691	163.365.956.419	83.229.467.488	735.359.540.598
- Chi phí phân bổ	25.171.545.184	8.327.808.975	4.235.143.019	37.734.497.178
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.062.533.622	3.982.837.136	1.876.480.174	22.921.850.932
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	8.112.663.558	12.703.939.241	-	20.816.602.799
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.628.512.338	145.643.103	9.071.250	9.783.226.691
Số dư cuối năm trước				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	350.814.121.424	116.063.845.325	59.024.766.990	525.902.733.740
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	91.994.357.565	30.435.614.143	15.478.162.282	137.908.133.991
- Tài sản không phân bổ				12.740.743.853
Tổng tài sản	442.808.478.990	146.499.459.469	74.502.929.272	676.551.611.584
- Nợ phải trả bộ phận	332.613.192.091	110.042.474.793	55.962.573.147	498.618.240.031
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	4.915.454.842	1.626.239.814	827.031.241	7.368.725.897
- Nợ phải trả không phân bổ				5.258.598.421
Tổng nợ phải trả	337.528.646.933	111.668.714.607	56.789.604.388	511.245.564.349

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAME&C
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	684.054.792.678	243.665.766.587	81.536.732.099	1.009.257.291.364
- Tài sản bộ phận	752.580.779.747	268.075.269.084	89.704.769.381	1.110.360.818.212
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	3.669.681.546	1.307.169.801	437.412.097	5.414.263.443
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	205.790.424.938	505.653.389.691	84.572.074.079	796.015.888.708
- Tài sản bộ phận	174.905.860.066	429.766.064.411	71.879.687.107	676.551.611.584
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	5.381.623.152	13.223.336.263	2.211.643.384	20.816.602.799

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.924.477.191	-	12.740.743.853	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	426.902.607.860	(7.396.448.105)	308.221.796.678	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	434.827.085.051	(7.396.448.105)	320.962.540.531	-	-

Giá trị sổ sách

Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
217.860.466.792	206.594.626.959	(*)	(*)
493.103.823.094	200.604.499.414	(*)	(*)
1.221.238.591	345.387.149	(*)	(*)
5.344.879.480	5.159.820.401	(*)	(*)
717.530.407.957	412.704.333.923		

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	
Vay và nợ	
Chi phí phải trả	
Các khoản phải trả khác	
Cộng	

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

07. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Xe ô tô TOYOTA Fortuner biển kiểm soát 30E-859.58, xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biển kiểm soát 30E-070.61, xe ô tô Toyota Fortuner Gun156L-SDTMHY BKS 30F-475.11	4.820.255.529	Công ty thế chấp toàn bộ tài sản và chuyển giao giấy tờ sở hữu tài sản cho TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong quản lý nhằm đảm bảo thế chấp cho khoản vay dài hạn. Ngân hàng được quyền kiểm tra và giám sát việc sử dụng tài sản thế chấp, nếu có rủi ro xảy ra thì được thụ hưởng số tiền bảo hiểm tài sản thế chấp.
Cộng	4.820.255.529	
Số đầu năm		
Xe ô tô TOYOTA Fortuner biển kiểm soát 30E-859.58, xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biển kiểm soát 30E-070.61, xe ô tô Toyota Fortuner Gun156L-SDTMHY BKS 30F-475.11	7.182.807.428	Công ty thế chấp toàn bộ tài sản và chuyển giao giấy tờ sở hữu tài sản cho TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong quản lý nhằm đảm bảo thế chấp cho khoản vay dài hạn. Ngân hàng được quyền kiểm tra và giám sát việc sử dụng tài sản thế chấp, nếu có rủi ro xảy ra thì được thụ hưởng số tiền bảo hiểm tài sản thế chấp.
Cộng	7.182.807.428	

08. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

09. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	217.860.466.792	-	-	217.860.466.792
Vay và nợ	490.579.392.079	1.823.716.724	700.714.291	493.103.823.094
Chi phí phải trả	1.221.238.591	-	-	1.221.238.591
Các khoản phải trả khác	5.344.879.480	-	-	5.344.879.480
Cộng	<u>715.005.976.942</u>	<u>1.823.716.724</u>	<u>700.714.291</u>	<u>717.530.407.957</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	206.594.626.959	-	-	206.594.626.959
Vay và nợ	196.942.017.728	2.821.624.543	840.857.143	200.604.499.414
Chi phí phải trả	345.387.149	-	-	345.387.149
Các khoản phải trả khác	5.159.820.401	-	-	5.159.820.401
Cộng	<u>409.041.852.237</u>	<u>2.821.624.543</u>	<u>840.857.143</u>	<u>412.704.333.923</u>

10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

11. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN). Trong đó, một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại theo biên bản thanh tra, quyết toán thuế (chi tiết xem thuyết minh VIII.03).

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Bùi Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Trang

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn